

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2026/DS-ST

Ngày: 07-4-2026

“V/v tranh chấp nợ hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Mên

2. Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2026/TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị T, sinh ngày 01/01/1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh A

Bị đơn: bà Khru Hồng S, sinh ngày 19/8/1983 (có mặt)

Ông Phạm Tiền P, sinh ngày 11/7/1982 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2026 và bản tự khai cùng với lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T như sau:**

Bà có tham gia chơi hui do bà Khru Hồng S làm chủ, dây hui 1.000.000đồng (Một triệu đồng) áp ngày 15/02/2023 âm lịch, dây hui này có 25 phần, một tháng xỏ 01 lần, ai kêu ca thì người đó, bà S có hưởng hoa hồng là 500.000đồng/01

phần, bà T tham gia chơi 02 phần, bà T đóng được 19 tháng thì bà S tuyên bố bế hội vào tháng 7/2024 và ngưng không xổ nữa, bà S cho rằng do các tay em khác hốt hội xong rồi không đóng hội cho bà nên bà mất khả năng thanh toán. Sau khi bà S tuyên bố bế hội thì bà T và bà S có gặp nhau để chốt số tiền vốn mà bà T đã đóng cho bà S 24.160.000đồng (hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng). Sau khi chốt nợ hội thì bà S và chồng bà S tên Phạm Tiền P có hứa mỗi vụ lúa trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ (Một năm 02 vụ lúa trả 2.000.000đồng); sau đó, vợ chồng bà S trả được 4.000.00đồng (Bốn triệu đồng) còn nợ lại 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) thì vợ chồng bà S không trả nữa nên bà T khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P có nghĩa trả lại số tiền nợ hội cho bà 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng), bà T không yêu cầu tính lãi, bà T yêu cầu vợ chồng bà S trả đủ số tiền nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai đề ngày 03/02/2026, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Khuru Hồng S trình bày:** Bà S thừa nhận có làm chủ dây hội 1.000.000đồng (Một triệu đồng) áp ngày 15/02/2023 âm lịch, có 25 phần, một tháng xổ 01 lần, ai kêu cao thì người đó, bà có hưởng hoa hồng là 500.000đồng/01 phần, bà T tham gia chơi 02 phần, bà T đóng được 19 tháng và bà T chưa hốt chân nào thì bà S bế hội và ngưng không xổ từ tháng 7/2024 đến nay, bà mất khả năng thanh toán là do các tay em hốt hội xong không đóng hội chết nên bà S không có tiền bù. Bà S và bà T có gặp nhau để chốt là bà còn nợ bà T số tiền 24.160.000đồng (hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) và bà cùng với chồng tên Phạm Tiền P có trả cho bà T được 4.000.000đồng còn lại nợ 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) thì có hẹn trả nợ mỗi vụ lúa trả 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ (Một năm 02 vụ lúa trả 2.000.000đồng), tuy nhiên do vụ lúa Hè Thu năm 2025 bị thất mùa nên không có tiền trả cho bà T nên bà T khởi kiện đến Tòa.

Tại phiên tòa, bà Khuru Hồng S thừa nhận còn nợ bà T số tiền 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) nhưng nay vợ chồng bà rất khó khăn nên bà S xin hẹn mỗi vụ lúa trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, bà S không trình bày gì thêm.

*** Tại bản tự khai đề ngày 03/2/2026, tại phiên hòa giải bị đơn ông Phạm Tiền P trình bày:** Vợ ông tên Khuru Hồng S có làm chủ hụi và ông P biết có bà Huỳnh Thị T tham gia chơi hụi của bà S và bà S đã bẻ hụi là sự thật, nguyên nhân bà S bẻ hụi là do các tay em hốt hụi xong không đóng hụi chết nên gia đình ông không có tiền bù. Tính đến nay bà S còn nợ bà Huỳnh Thị T số tiền 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) là đúng sự thật.

Ông P đồng ý cùng vợ tên Khuru Hồng S trả số tiền nợ cho bà T là 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) nhưng nay vợ chồng ông rất khó khăn nên vợ chồng ông vẫn hẹn mỗi vụ lúa sẽ trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, ông P không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị T và bị đơn bà Khuru Hồng S, ông Phạm Tiền P là “Tranh chấp nợ hụi”. Bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phạm Tiền P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T và bà S, ông P thống nhất xác định như sau: bà T có tham gia chơi hụi do bà S làm chủ đây hụi 1.000.000đồng (Một triệu đồng) áp ngày 15/02/2023 âm lịch, bà T tham gia chơi 02 phần, đóng được 19 lần và bà T chưa hốt chân nào thì bà S đã tuyên bố bẻ hụi vào tháng 7/2024. Sau khi tuyên bố bẻ hụi thì bà S và chồng là ông P có trả cho bà T được 4.000.000đồng và còn nợ bà T số tiền 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) bà T có yêu cầu bà S, ông P trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà S không trả nên bà T khởi kiện đến Tòa án. Bà S, ông P thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) là đúng sự thật và đồng ý trả nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà S, ông P thừa nhận còn nợ bà T là 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) nhưng bà S, ông P cho rằng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tiền trả đủ một lần nên bà S, ông P xin trả dần mỗi vụ lúa trả từ 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, yêu cầu trả nợ của bà S, ông P không được bà T đồng ý vì bà T cho rằng thời gian trả nợ như vậy kéo dài quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét nguyện vọng trả nợ của bà S, ông P.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $20.160.000\text{đồng} \times 5\% = 1.008.000\text{đồng}$ buộc bà S, ông P phải có nghĩa vụ nộp.

Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà T đã nộp là 504.000 đồng theo biên lai thu tiền số 300065 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, khoản 1 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15, 18 và Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về “họ, họ, hội, biểu, phường” và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T .

Buộc: bà Khuru Hồng S, ông Phạm Tiền P phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 20.160.000đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà S, ông P chưa trả đủ số tiền nêu trên thì bà S, ông P còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 1.008.000đồng (một triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng) buộc bà S, ông P phải có nghĩa vụ nộp.

Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà T đã nộp là 504.000 đồng (Năm trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 300065 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 07/4/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS khu vực 5;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh